BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 91/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2011*

THÔNG TƯ
Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị quyết số 295/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 28/9/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu thuế xuất khẩu theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất đối với từng nhóm hàng, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục nhóm hàng chịu thuế và khung thuế suất ưu đãi đối với từng nhóm hàng;

Căn cứ Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội;

Bộ Tài chính sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi như sau:

Điều 1. Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi

Sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với một số mặt hàng quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Thông tư số 184/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế thành mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2011./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

DANH MỤC
THUẾ SUẤT THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI MỘT SỐ MẶT HÀNG TRONG BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 91/2011/TT-BTC ngày 20/6/2011 của Bộ Tài chính)

Mã hàng				Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
08.02				**Quả hạch khác, tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ hoặc lột vỏ**	
				- Quả hạnh đào:	
0802	11	00	00	- - Chưa bóc vỏ	20
0802	12	00	00	- - Đã bóc vỏ	15
				- Quả phỉ hay hạt phỉ (*Corylus spp.*):	
0802	21	00	00	- - Chưa bóc vỏ	20
0802	22	00	00	- - Đã bóc vỏ	20
				- Quả óc chó:	
0802	31	00	00	- - Chưa bóc vỏ	5
0802	***32***	***00***	***00***	***- - Đã bóc vỏ***	***30***
0802	40	00	00	- Hạt dẻ (Castanea spp.)	30
0802	50	00	00	- Quả hồ trăn	20
0802	60	00	00	- Hạt macadamia (Macadamia nuts)	30
0802	90			- Loại khác:	
0802	90	10	00	- - Quả cau (betel nuts)	30
0802	90	90	00	- - Loại khác	30
21.03				**Nước xốt và các chế phẩm làm nước xốt; đồ gia vị hỗn hợp và bột canh hỗn hợp; bột mịn và bột thô từ hạt mù tạt và mù tạt đã chế biến**	
2103	10	00	00	- Nước xốt đậu tương	32
2103	***20***	***00***	***00***	***- Nước xốt cà chua nấm và nước xốt cà chua khác***	***35***
2103	30	00	00	- Bột mịn và bột thô từ hạt mù tạt và mù tạt đã chế biến	34

Mã hàng				Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2103	90			- Loại khác:	
2103	90	10	00	- - Tương ớt	32
2103	90	20	00	- - Gia vị hỗn hợp và bột canh hỗn hợp, kể cả bột tôm (belachan)	32
2103	90	30	00	- - Nước mắm	32
2103	90	90	00	- - Loại khác	25
24.03				**Thuốc lá lá đã chế biến và các chất thay thế thuốc lá lá đã chế biến khác; thuốc lá "thuần nhất" hoặc thuốc lá "hoàn nguyên"; chiết xuất và tinh chất thuốc lá**	
2403	10			- Thuốc lá lá để hút, có hoặc không chứa chất thay thế thuốc lá lá với tỷ lệ bất kỳ:	
				- - Đã được đóng gói để bán lẻ:	
2403	10	11	00	- - - Thuốc lá lá đã được phối trộn	30
2403	10	19	00	- - - Loại khác	30
				- - Thuốc lá lá đã chế biến khác để sản xuất thuốc lá điếu:	
2403	10	21	00	- - - Thuốc lá lá đã được phối trộn	30
2403	10	29	00	- - - Loại khác	30
2403	10	90	00	- - Loại khác	30
				- Loại khác:	
2403	***91***	***00***	***00***	***- - Thuốc lá "thuần nhất" hoặc "hoàn nguyên"***	***50***
2403	99			- - Loại khác:	
2403	99	10	00	- - - Chiết xuất và tinh chất thuốc lá lá	30
2403	99	30	00	- - - Nguyên liệu thay thế thuốc lá lá đã chế biến	30
2403	***99***	***40***	***00***	***- - - Thuốc lá bột để hít***	***50***
2403	***99***	***50***	***00***	***- - - Thuốc lá không dùng để hút khác, kể cả thuốc lá lá để nhai hoặc ngậm***	***50***
2403	***99***	***60***	***00***	***- - - Ang Hoon***	***50***

Mã hàng				Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
2403	***99***	***90***	***00***	***- - - Loại khác***	***50***
73.24				**Đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận rời của chúng, bằng sắt hoặc thép**	
7324	10	00	00	- Chậu rửa và bồn rửa, bằng thép không gỉ	20
				- Bồn tắm:	
7324	***21***	***00***	***00***	***- - Bằng gang, đã hoặc chưa được tráng men***	***36***
7324	***29***	***00***	***00***	***- - Loại khác***	***36***
7324	90			- Loại khác, kể cả các bộ phận:	
7324	90	10	00	- - Dùng cho bệ xí hoặc bệ tiểu giật nước (loại cố định)	20
7324	90	20	00	- - Bô, lọ đựng nước tiểu (loại có thể di chuyển) và chậu đựng nước tiểu để trong phòng	20
7324	90	90	00	- - Loại khác	20
84.43				**Máy in sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machine) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các linh kiện của chúng**	
				- Máy in sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in khác thuộc nhóm 84.42:	
8443	11	00	00	- - Máy in offset, in cuộn	0
8443	12	00	00	- - Máy in offset, in theo tờ, loại sử dụng trong văn phòng (sử dụng giấy với kích thước giấy mở ra một chiều không quá 22 cm và chiều kia không quá 36 cm)	0
8443	13	00	00	- - Máy in offset khác	0
8443	14	00	00	- - Máy in nổi, in cuộn, trừ loại máy in nổi bằng khuôn mềm	0

Mã hàng				Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
8443	15	00	00	- - Máy in nổi, trừ loại in cuộn, trừ loại máy in nổi bằng khuôn mềm	0
8443	16	00	00	- - Máy in nổi bằng khuôn mềm	0
8443	17	00	00	- - Máy in ảnh trên bản kẽm	0
8443	19	00	00	- - Loại khác	0
				- Máy in khác, máy copy và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau:	
8443	31			- - Máy kết hợp từ hai chức năng trở lên (như in, copy, fax...), có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	
8443	31	10	00	- - - Máy in - copy, in bằng công nghệ in phun	2
8443	31	20	00	- - - Máy in - copy, in bằng công nghệ laser	2
8443	31	30	00	- - - Máy in - copy - fax kết hợp	2
8443	31	90	00	- - - Loại khác	2
8443	32			- - Loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng:	
8443	32	10	00	- - - Máy in kim	2
8443	32	20	00	- - - Máy in phun	2
8443	32	30	00	- - - Máy in laser	2
8443	32	40	00	- - - Máy fax	2
8443	32	50	00	- - - Máy in kiểu lưới dùng để sản xuất các tấm mạch in hoặc tấm mạch dây in	0
8443	32	90	00	- - - Loại khác	2
8443	39			- - Loại khác:	
				- - - Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc trực tiếp lên bản sao (quá trình tái tạo trực tiếp):	
8443	39	11	00	- - - - Loại màu	2
8443	39	19	00	- - - - Loại khác	2
8443	39	20	00	- - - Máy photocopy tĩnh điện, hoạt động bằng cách tái tạo hình ảnh gốc lên bản sao	7

Mã hàng				Mô tả hàng hóa	Thuế suất (%)
				thông qua bước trung gian (quá trình tái tạo gián tiếp), hoạt động thông qua việc mã hóa dữ liệu gốc	
8443	39	30	00	- - - Máy photocopy khác kết hợp hệ thống quang học	2
8443	***39***	***40***	***00***	***- - - Máy in phun***	***5***
8443	39	90	00	- - - Loại khác	5
				- Bộ phận và phụ tùng:	
8443	91	00	00	- - Bộ phận và phụ tùng của máy in sử dụng các bộ phận in như bát chữ, trục lăn và các bộ phận in khác của nhóm 84.42	0
8443	99			- - Loại khác:	
8443	99	10	00	- - - Của máy in kiểu lưới dùng để sản xuất tấm mạch in hay tấm mạch dây in	0
8443	99	20	00	- - - Hộp mực in đã có mực in	2
8443	99	30	00	- - - Bộ phận cung cấp và phân loại giấy	2
8443	99	90	00	- - - Loại khác	0